

Số: 24/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 26 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lưu Hoàng N**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số B, đường H, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Mai Thị Ngọc T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số B, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lưu Hoàng N và chị Mai Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 18/01/2024 của anh N và chị T đã thỏa thuận như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lưu Hoàng N và chị Mai Thị Ngọc T thuận tình ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung tên Lưu Minh Q, sinh ngày 16/6/2020. Sau ly hôn, anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi tròn 18 tuổi. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh T và chị T phải chịu là 300.000 đồng.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Hoàng N và chị Mai Thị Ngọc T. Ghi nhận việc chị T và anh N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung tên Lưu Minh Q, sinh ngày 16/6/2020. Sau ly hôn, anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh N và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: anh Lưu Hoàng N và chị Mai Thị Ngọc T phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000969 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận anh N và chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân thành phố Bến Tre;
- CC THA DS thành phố Bến Tre;
- UBND phường 5, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng